

Số: 298 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng

**điểm định canh, định cư tập trung tại nà Tpok Tkét,
thôn Cả, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q.	
CV ĐẾN	Số: 1348
	Ngày: 04/3/2013
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2008/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2013 nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại nà Tpok Tkét, thôn Cả, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng;

Xét đề nghị của UBND huyện Trà Bồng tại Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 20/12/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 134/TTr-SKHĐT-KTN ngày 04/02/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình điểm định canh, định cư tập trung Tpok Tkét, thôn Cả, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Tpok Tkét, thôn Cả, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Trà Bồng.

3. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: KTS Nguyễn Hữu Nghĩa.

5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng điểm định, canh định cư tập trung có các công trình hạ tầng thiết yếu: San ủi đất tạo mặt bằng xây dựng khu dân cư, xây dựng hệ thống điện thấp sáng và cấp thoát nước sinh hoạt, đường giao thông dẫn vào khu dân cư cho 56 hộ với 331 nhân khẩu đồng bào dân tộc Cor trên địa bàn bị ảnh hưởng do sạt lở núi có nơi ở ổn định, có điều kiện để phát triển sản xuất, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống.

6. Địa điểm xây dựng: Thôn Cả, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng.

7. Nội dung quy mô đầu tư

- Đào san đất tạo mặt bằng làm đất ở cho các hộ dân;
- Kéo đường điện phục vụ thấp sáng và sinh hoạt cho dân;
- Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung;
- Làm đường giao thông nội vùng;
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng;
- Hỗ trợ di dời và ổn định đời sống cho 56 hộ dân đến nơi ở mới.

8. Phương án xây dựng

a) Đào san đất tạo mặt bằng làm đất ở cho các hộ:

- Diện tích san nền 5ha (Mặt bằng $26.480m^2$, ta luy và diện tích khác $23.520m^2$), khối lượng đất đào $132.308m^3$, khối lượng đất đắp: $91.277m^3$, hệ số đầm nén $K=0,85$.

- Hệ thống thoát nước mương hở hình thang gia cố bằng bê tông.

b) Hệ thống nước sinh hoạt tập trung:

- Cụm đầu mối: Đập tràn thực dụng bằng bê tông M150, gia cố lớp BTCT M200 bên ngoài, chiều dài $L = 5,5m$, chiều rộng đỉnh đập tràn $B = 1m$, chiều cao đập lớn nhất $1,6m$; công xả cát: Kết cấu bằng BTCT M200, có phai đóng mở bằng gỗ, kích thước: $B \times H = (1,0 \times 0,9)m$; ống lấy nước đầu mối: Ống lấy nước bằng ống thép tráng kẽm $\varnothing 100$ dày $4mm$, chiều dài $L=12m$, có hộp van đóng mở tại vị trí $K0+12$;

- Tuyến ống và công trình trên tuyến ống:

+ Ống dẫn nước thô $L = 759m$ bằng ống thép tráng kẽm $\varnothing 100$ dày $4mm$, và ống nhựa HDPE $\varnothing 100$ dày $5,4mm$ chịu áp $6bar$, nối bằng phương pháp hàn nhiệt.

+ Tuyến ống cấp nước đến bộ vòi của khu dân cư L = 810m bằng ống nhựa PVC Ø90, Ø50 và Ø34 chôn trong đất.

+ Bể lắng cát: Tại K0+9,9 bằng BTCT M200 dày 20cm.

+ Bể xử lý: Tại K0+796,47 bằng BTCT M200 dày 15cm, kích thước bể (5,0x3,5x1,7)m được chia làm 2 ngăn lắng, 2 ngăn chứa và 2 ngăn lọc.

+ Bộ vòi: Tổng cộng 36 bộ vòi, mỗi bộ có 2 vòi đồng Ø21.

+ Bố trí các van xả cát, xả khí tự động trên tuyến ống và các hộp van điều tiết trên các tuyến nhánh.

c) Đường giao thông nối vào khu định cư:

- Chiều dài tuyến: 710.00m.

- Loại, cấp công trình: Đường GTNT loại A (22-TCN210-92)

- Bề rộng nền đường: $B_n=5.0m$; độ dốc dọc lớn nhất: $I_{max}= 10\%$; dốc ngang nền đường: $I_n=3\%$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất: $R_{min}=15m$.

- Rãnh đất hình thang được thi công ở nền đường đào có tiết diện $(1.2+0.4)/2*0.4(m^2)$.

- Công trình thoát nước: Cống bi D 50cm: 01cái tại lý trình KM0+004.00 thoát nước rãnh dọc trục đường chính (gần nút giao thông); cống thoát nước D75 hố tụ: 01cái tại lý trình KM0+354.96; rãnh đất hình thang được thi công ở nền đường đào có tiết diện $(1,2+0,4)/2*0,4(m^2)$.

d) Điện sinh hoạt: Tổng chiều dài tuyến: 478m, điện áp: 2*0,23kV, kết cấu lưới điện: 2 pha - 3 dây.

- Điểm đầu: Đấu nối tại vị trí cột TBA Trà Hiệp 7-50kVA-22/2*0,23kV hiện có; điểm cuối tại vị trí cột số 11/XT2 xây dựng mới.

- Thiết bị cấp điện sau công tơ vào đến tận nhà từng hộ dân.

9. Diện tích sử dụng đất: 7ha.

10. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

11. Tổng mức đầu tư (tổng dự toán): 7.813.015.000 đồng

Trong đó: - Chi phí xây dựng: 4.996.094.000 đồng

- Chi phí bồi thường GPMB: 844.288.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án: 88.072.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư và XD: 413.012.000 đồng

- Chi phí khác: 914.163.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 557.386.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Trung ương hỗ trợ: 6.300 triệu đồng (theo Công văn số 10502/BKHĐT-KTNN ngày 17/12/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Vốn ngân sách huyện: 1.513,015 triệu đồng.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2013-2014.

15. Kế hoạch đấu thầu của dự án: Chia làm 3 phần:

a) Phần đã thực hiện:

STT	Nội dung công việc	Giá trị (đồng)
1	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT (gói thầu số 1)	290.183.000
2	Thẩm tra thiết kế BVTC và tổng dự toán (gói thầu số 2)	13.891.000
	Tổng cộng giá trị thực hiện	304.074.000

b) Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu:

STT	Nội dung công việc	Giá trị (đồng)
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	844.288.000
2	Quản lý dự án	88.072.000
3	Lựa chọn thầu thi công	8.142.000
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	21.457.000
5	Thẩm định Báo cáo KTKT	965.000
6	Hỗ trợ chi phí làm nhà cho dân	840.000.000
7	Dự phòng	557.386.000
	Tổng cộng	2.360.310.000

c) Phần kế hoạch đấu thầu:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu (gói thầu số 3)	5.428.000	Chỉ định thầu	Theo tỉ lệ %	10 ngày

2	Giám sát thi công xây dựng công trình (gói thầu số 4)	95.368.000	Chi định thầu	Theo tỷ lệ %	7 tháng
3	Bảo hiểm xây dựng công trình (gói thầu số 5)	15.584.000	Chi định thầu	Theo tỷ lệ %	7 tháng
4	Kiểm toán (gói thầu số 6)	36.886.000	Chi định thầu	Theo tỷ lệ %	60 ngày
5	Toàn bộ phần xây lắp của BCKTKT kể cả các loại phí và thuế (gói thầu số 7)	4.996.094.000	Chi định thầu	Theo đơn giá cố định	7 tháng
Tổng cộng		5.148.360.000			

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Trà Bồng (Chủ đầu tư) khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện để nhanh chóng ổn định cuộc sống và sản xuất, phát triển kinh tế cho 56 hộ dân ở điểm định canh, định cư tập trung mới, đồng thời hoàn thành đầy đủ các thủ tục hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư cho công trình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay cho Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: C, PVP (MN), TH, NN, CB;
- Lưu: VT, ĐNMN (T_{S58})



CHỦ TỊCH

Cao Khoa